

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MƯỜNG TÈ
TỈNH LAI CHÂU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 29/9/2022

V/v: Ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MƯỜNG TÈ, TỈNH LAI CHÂU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lò Xuân Hải.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông: Lý Ngọc Sáng.

2. Bà: Lý Thị The.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Tuấn - Thư ký tòa án nhân dân huyện Mường Tè, tỉnh Lai Châu.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Mường Tè, tỉnh Lai Châu tham gia phiên Tòa: Ông Võ Văn Tuấn - Kiểm sát viên.

Trong ngày 29 tháng 9 năm 2022, tại phòng xét xử trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mường T, tỉnh Lai C, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 24/2022/TLST- HNGĐ ngày 06 tháng 07 năm 2022, về việc “Ly hôn” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử vụ án số: 01/2022/TB - TA ngày 29 tháng 08 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Pờ Thiên N, sinh năm 1990.

- Địa chỉ, nơi cư trú: Khi phố 10, thị trấn Mường T, huyện Mường T, tỉnh Lai C, có mặt.

2. Bị đơn: Anh Trần Thanh T, sinh năm 1990.

- Địa chỉ, nơi cư trú: Khu phố 10, thị trấn Mường T, huyện Mường T, tỉnh Lai C, vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn chị Pờ Thiên N trình bày: Chị và anh Trần Thanh T tự nguyện yêu thương nhau và đi đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn ngày 19/02/2016 tại Ủy ban nhân dân xã Can H, huyện Mường T, tỉnh Lai C. Giữa hai vợ chồng có 02 con chung, hiện các con đang

sống chung với chị ở khu phố 10, thị trấn Mường T. Sau khi kết hôn, thời gian đầu chung sống hạnh phúc, sau đó giữa chị và anh T thường xuyên xảy ra mâu thuẫn và cự cãi nhau, không tìm được tiếng nói chung, mọi sinh hoạt gia đình bị đảo lộn, tình cảm vợ chồng rạn nứt, tình trạng căng thẳng ngày càng trầm trọng, cuộc sống không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Nguyên nhân là do anh T không tu chí làm ăn chăm lo cho gia đình, khi mâu thuẫn xảy ra giữa vợ chồng đã được gia đình hai bên nội ngoại, anh em bạn bè khuyên bảo, vợ chồng sống ly thân từ năm 2021 cho đến nay, hiện tại anh T đã bỏ nhà đi làm công nhân ở tỉnh Quảng N, vợ chồng không còn liên lạc với nhau. Chị đề nghị được ly hôn với anh T. Về con chung, tài sản chung, nợ chung trong thời kỳ hôn nhân hai vợ chồng tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, anh Trần Thanh T có công văn xác nhận ngày 06/08/2022, trong công văn nêu rõ: Lý do không về thụ lý đơn khởi kiện ly hôn của bà Pờ Thiên N là do hiện tại anh T ở xa và công việc không nghỉ được (*Theo địa chỉ trên phong bì thư: Phường Hải H, thành phố Móng C, tỉnh Quảng N*). Anh T xác nhận đồng ý chấp thuận ly hôn với nội dung đơn khởi kiện mà bà Pờ Thiên N đã nộp và được Tòa án nhân dân huyện Mường T thụ lý vào ngày 06/07/2022. Các nội dung (con chung, tài sản chung, nợ chung) tôi đồng ý với nội dung trong đơn là hai bên thỏa thuận ngoài, mọi nội dung nêu trên tôi xin cam kết là đúng sự thật và xin vắng mặt tại tòa án khi tòa án giải quyết vụ án.

Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án (Các điều khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 48, điều 68, khoản 2 Điều 220, Điều 239, Điều 243, Điều 247, Điều 248, Điều 249, Điều 250, Điều 251, Điều 252 và Điều 260).

- Về việc giải quyết vụ án dân sự: Căn cứ Điều 5, khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Căn cứ Điều 19, khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27, điểm 1.1 khoản 1 phần II mục A Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn của chị Pờ Thiên N được ly hôn với anh Trần Thanh T; buộc chị Pờ Thiên N phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận, nội dung phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. *Về thẩm quyền giải quyết vụ án:* Chị Pờ Thiên N có đơn đề nghị Tòa án nhân dân huyện Mường T, tỉnh Lai C giải quyết việc ly hôn và nuôi con chung. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Mường T, tỉnh Lai C.

[2]. *Về thủ tục tố tụng:* Từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm Tòa án tiến hành hòa giải đoàn tụ nhưng anh Trần Thanh T có công văn xác nhận và xin vắng mặt khi tòa án giải quyết vụ án, nên không tiến hành hòa giải được, cho đến khi mở phiên tòa xét xử. Căn cứ Điều 39 Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh Trần Thanh T là đúng quy định pháp luật.

[3]. *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Pờ Thiên N và anh Trần Thanh T tự nguyện đăng ký kết hôn với nhau tại Ủy ban nhân dân xã Can H, huyện Mường T, tỉnh Lai C vào ngày 19/02/2016, việc kết hôn là hoàn toàn tự nguyện và hợp pháp, trong thời kỳ hôn nhân giữa vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do anh T không chăm chỉ, tu chí làm ăn để chăm lo cho gia đình vợ con, vợ chồng không còn quan tâm đến nhau, chị N xác nhận cuộc sống chung không thể kéo dài, xét thấy: Yêu cầu xin ly hôn của chị N là có cơ sở, anh T cũng xác nhận là đồng ý ly hôn. Căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Pờ Thiên N.

[4]. *Về con chung:* Chị Pờ Thiên N và anh Trần Thanh T có 02 con chung là: Trần Thanh H, sinh ngày 03/12/2016 và Trần Thanh P, sinh ngày 11/04/2020, hiện đang sống cùng với chị N. Các đương sự tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do vậy Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5]. *Về cấp dưỡng nuôi con:* Chị Pờ Thiên N xác định đủ điều kiện tự nuôi con nên tự nguyện không yêu cầu anh Trần Thanh T cấp dưỡng nuôi con chung. Do vậy Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6]. *Về tài sản chung, nợ chung*: Trong đơn xin ly hôn, bản tự khai chị N xác nhận là không có tranh chấp, hai vợ chồng tự thỏa thuận giải quyết nên không yêu cầu tòa án giải quyết, tại công văn ngày 06/08/2022 anh Trần Thanh T cũng xác nhận là vợ chồng tự giải quyết. Do vậy Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[7]. *Về án phí*: Áp dụng khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí tòa án. Pờ Thiên N phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[8]. *Về quyền kháng cáo*: Theo quy định tại Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Nguyên đơn có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai tại nơi cư trú.

[9]. Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, hội đồng xét xử, thư ký tòa án; Về giải quyết nội dung vụ án; Điều luật áp dụng là có cơ sở, đúng quy định của pháp luật, do vậy Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a, khoản 5, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Điều 39 Bộ luật dân sự.

- Căn cứ Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 58 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Tuyên xử:

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Pờ Thiên N. Chị Pờ Thiên N được ly hôn với anh Trần Thanh T.

2. *Về án phí*: Chị Pờ Thiên N phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm. Được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0000645 ngày 06/07/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mường T, tỉnh Lai C.

3. *Về quyền kháng cáo:* Theo quy định tại Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Nguyên đơn có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai tại nơi cư trú.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lai Châu;
- VKSND tỉnh Lai Châu;
- VKSND huyện Mường Tè;
- CCTHADS huyện Mường Tè;
- Các đương sự;
- UBNDTT (*niêm yết*);
- UBND xã Can Hồ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Lò Xuân Hải